

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 8 tháng 6 năm 2021*

**THỎA THUẬN KHUNG**

**Số: 05/2021/TTK-ĐPG**

**Gói thầu số 4: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Nexavar (Sorafenib 200mg)  
hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục Đàm phán giá  
cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021 - 2022.**

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2013;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành.

Căn cứ Thông tư 15/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 4572/QĐ-BYT ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc danh mục đàm phán giá năm 2020 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-TTMS ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu cung cấp thuốc theo hình thức Đàm phán giá năm 2020 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-TTMS ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt Danh sách nhà thầu và các thuốc đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật gói thầu số 01 “Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Cerebrolysin hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021 - 2022”, gói thầu số 02 “Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Tienam (Imipenem+Cilastatin 500mg + 500mg) hoặc tương đương

*Phức*  
*ĐM*

điều trị thuộc danh mục Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021-2020”, gói thầu số 03 “Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Mabthera (Rituximab 500mg) hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục áp dụng hình thức Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021-2020”, gói thầu số 04 “Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Nexavar (Sorafenib tosylate 200mg) hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021-2020” của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ số 2797/QĐ-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt điều chỉnh tên hoạt chất của thuốc Nexavar tại Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc biệt dược gốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2020 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Thư chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung số 342/TTMS-NVD ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Hôm nay, ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Chúng tôi gồm:

**I. Cơ quan ký thỏa thuận khung:**

- Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (sau đây viết tắt là Trung tâm MSTTQG)

- Đại diện: Ông Nguyễn Trí Dũng
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: 024 6273 2383

**II. Nhà thầu cung cấp thuốc:**

- Công ty cổ phần Dược Liệu Trung ương 2
- Đại diện: Ông Hoàng Văn Phúc
- Chức vụ: Giám đốc dự án thầu Bệnh viện
- Địa chỉ: 24 Nguyễn Thị Nghĩa, P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028.38323009

Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung cho việc cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế trên toàn quốc theo kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 4: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Nexavar (Sorafenib 200mg) hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021-2020 như sau:

**1. Phạm vi cung cấp**



- Phạm vi cung cấp là mặt hàng thuốc trúng thầu Gói thầu số 4: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Nexavar (Sorafenib 200mg) hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021-2020 theo Quyết định số 2797/QĐ-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt điều chỉnh tên hoạt chất của thuốc Nexavar tại Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc biệt dược gốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2020 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia theo số lượng của từng mặt hàng phân bổ cho các cơ sở y tế trên toàn quốc (Chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2).

- Trên cơ sở Thỏa thuận khung này, Nhà thầu và các cơ sở y tế trên toàn quốc sẽ ký hợp đồng để cung ứng thuốc cho từng cơ sở y tế.

## **2. Thời gian, địa điểm giao hàng:**

- Nhà thầu giao hàng làm nhiều đợt trong thời gian kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực đến hết ngày 31/5/2023 và được quy định trong hợp đồng. Các cơ sở y tế (bên mua) dự trữ số lượng thuốc tùy theo nhu cầu thực tế của từng đơn vị; nhà thầu phải đáp ứng cung cấp đủ số lượng, đạt chất lượng hàng hóa theo thời gian thỏa thuận với các cơ sở y tế được quy định trong hợp đồng. Bên mua có thể dự trữ hàng đột xuất khi cần thiết phục vụ kịp thời cho công tác khám chữa bệnh.

- Địa điểm giao hàng: Hàng hoá được giao tại kho của bên mua theo danh mục các cơ sở y tế đính kèm tại Phụ lục 2 thuộc Gói thầu số 4: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Nexavar (Sorafenib 200mg) hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021-2020.

## **3. Điều kiện bàn giao hàng hóa, thanh toán, thanh lý hợp đồng**

### **3.1. Điều kiện bàn giao hàng hóa**

- Thuốc cung cấp phải bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho các cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.

- Thuốc phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy cách được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu. Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.



- Có phiếu kiểm nghiệm cho từng lô thuốc theo quy định, có giấy báo lô và hạn dùng của thuốc (có thể in trên hóa đơn bán hàng) khi giao hàng.

- Về vận chuyển: Nhà thầu phải trực tiếp vận chuyển hàng hoá đến kho của các cơ sở y tế, Nhà thầu phải chịu mọi chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng, phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình vận chuyển như: bảo quản lạnh, chống nắng, nóng ẩm mốc v.v., phương tiện vận chuyển, quy trình vận chuyển phải phù hợp với nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP” mà nhà thầu đã đạt được. Khi giao nhận thuốc tại cơ sở y tế phải thực hiện kiểm nhập tất cả các thuốc trước khi nhập kho và lập biên bản kiểm nhập có đầy đủ nội dung kiểm nhập và chữ ký của các thành viên Hội đồng kiểm nhập theo đúng quy định.

### **3.2. Điều kiện thanh toán**

- Phương thức thanh toán: Các cơ sở y tế ký hợp đồng mua bán với nhà thầu thực hiện thanh toán cho nhà thầu bằng chuyển khoản hoặc hình thức phù hợp theo quy định hiện hành.

- Thời hạn thanh toán không quá 90 ngày kể từ khi nhà thầu giao hàng và xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu (phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán được cụ thể trong hợp đồng).

**3.3. Thanh lý hợp đồng:** Thực hiện theo quy định hiện hành.

### **4. Mức giá trần tương ứng với từng loại hàng hóa**

- Đơn giá thuốc trong hợp đồng mua sắm hàng hoá được ký kết giữa nhà thầu với các cơ sở y tế không vượt quá giá trúng thầu đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định số 2797/QĐ-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt điều chỉnh tên hoạt chất của thuốc Nexavar tại Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc biệt dược gốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2020 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

- Giá trần này được áp dụng trên toàn quốc kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực đến hết ngày 31/5/2023.

### **5. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa, điều kiện bảo hành**

- Hàng hóa cung cấp có nhãn đúng quy định về nhãn thuốc, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam.

- Nhà thầu phải thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

- Kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá thực hiện theo quy định trong Điều kiện chung nêu tại Chương V và Điều kiện cụ thể nêu tại Chương VI của Hồ sơ yêu cầu.



## **6. Trách nhiệm của nhà thầu trong việc cung cấp hàng hóa**

- Ký hợp đồng mua bán thuốc với các cơ sở y tế theo số lượng của từng mặt hàng đã phân bổ cho từng cơ sở y tế trong thời gian sớm nhất kể từ khi nhận được thông báo của Trung tâm MSTTQG. Nhà thầu có trách nhiệm tổng hợp gửi về Đơn vị Mua sắm tập trung cấp địa phương tương ứng 1 bản hợp đồng đã ký với các cơ sở y tế và gửi bản scan về địa chỉ thư điện tử [ngniepvduoc.ttms@moh.gov.vn](mailto:ngniepvduoc.ttms@moh.gov.vn) của Trung tâm MSTTQG.

- Cung ứng đầy đủ thuốc và đúng tiến độ theo đúng chủng loại, số lượng, đơn giá không vượt quá giá trúng thầu thông qua đàm phán giá đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt. Đảm bảo duy trì lượng thuốc tồn kho tối thiểu để cung ứng cho các cơ sở y tế trên toàn quốc trung bình 01 tháng.

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong điều kiện chung nêu tại Chương V và điều kiện cụ thể nêu tại Chương VI được nêu trong Hồ sơ yêu cầu và nội dung của cam kết tại Hồ sơ đề xuất của nhà thầu.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng đã ký giữa Nhà thầu với các cơ sở y tế.

- Báo cáo cho Trung tâm MSTTQG về khả năng cung ứng và tình hình thực hiện hợp đồng, bàn giao, tiếp nhận thuốc theo định kỳ hàng tháng, hàng quý theo quy trình báo cáo và điều tiết do Trung tâm MSTTQG ban hành và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

- Trong trường hợp các cơ sở y tế thuộc địa phương quản lý có nhu cầu mua thêm không quá 20% số lượng đã được phân bổ và ký kết hợp đồng, nhà thầu có trách nhiệm cung cấp cho cơ sở y tế sau khi 2 bên ký kết các văn bản pháp lý về việc mua bổ sung. Nhà thầu có trách nhiệm gửi hồ sơ, tài liệu này báo cáo Sở Y tế/Đơn vị Mua sắm tập trung cấp địa phương tương ứng và Trung tâm MSTTQG.

- Trường hợp các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế có nhu cầu tăng thêm số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung hoặc nhu cầu sử dụng thuốc của địa phương vượt quá 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung thì nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với các cơ sở y tế báo cáo Sở Y tế/Đơn vị Mua thuốc tập trung cấp địa phương, Trung tâm MSTTQG để thực hiện việc điều tiết và cung cấp thuốc theo đúng quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế và quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và đàm phán giá do Trung tâm MSTTQG ban hành.

- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp thuốc trúng thầu với số lượng không vượt quá 30% tổng số lượng được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

## **7. Trách nhiệm của các cơ sở y tế**

*Thủ*  
*Tomu*



- Hoàn thiện và ký hợp đồng cung cấp thuốc với Nhà thầu trong thời gian sớm nhất kể từ khi nhận được thông báo trúng thầu của Trung tâm MSTTQG/Sở Y tế/Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương/y tế các bộ ngành theo danh mục, số lượng chủng loại với giá không vượt quá giá trúng thầu thông qua đàm phán đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực đến hết ngày 31/5/2023.

- Bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất để tiếp nhận, bảo quản, quản lý, sử dụng thuốc trong công tác khám chữa bệnh, thanh lý hợp đồng theo quy định.

- Báo cáo cho Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương tương ứng/y tế các bộ ngành để tổng hợp, báo cáo Trung tâm MSTTQG; riêng đối với các cơ sở y tế cấp Trung ương báo cáo trực tiếp Trung tâm MSTTQG về:

+ Số lượng thuốc đã mua, số lượng thuốc đã sử dụng, số lượng còn lại chưa thực hiện định kỳ hàng quý và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

+ Báo cáo ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng để xem xét giải quyết.

- Các cơ sở y tế bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã đề nghị mua sắm tập trung và đã được phân bổ trong thỏa thuận khung.

- Các cơ sở y tế thực hiện việc thanh toán cho nhà thầu theo đúng quy định được nêu trong điều kiện chung, điều kiện cụ thể của mẫu hợp đồng và tại mục 3.2 Thỏa thuận khung.

- Trong trường hợp cần thiết, các cơ sở y tế do địa phương quản lý hoặc các cơ sở y tế trực thuộc Bộ, ngành trên địa bàn có thể mua tăng thêm nếu sử dụng hết số lượng thuốc đã được phân bổ trong thỏa thuận khung nhưng không được vượt quá 20% số lượng đã được phân bổ. Việc mua tăng thêm số lượng thuốc được thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 13 Điều 40 và Khoản 5 Điều 46 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế hoặc theo quy trình hướng dẫn của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

- Trường hợp các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế có nhu cầu phát sinh mới hoặc tăng thêm số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung hoặc nhu cầu sử dụng thuốc của địa phương vượt quá 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung thì phải có đề xuất cụ thể số lượng cần mua thêm báo cáo về Sở Y tế/Đơn vị Mua sắm tập trung cấp địa phương tương ứng và Trung tâm MSTTQG để tổng hợp, rà soát và thực hiện việc điều tiết thuốc theo đúng quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế và quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và đàm phán giá do Trung tâm MSTTQG ban hành.

*gheuk*  
*TMU*



## **8. Trách nhiệm của các Sở Y tế/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/y tế các bộ ngành**

- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và thỏa thuận khung đến các cơ sở y tế y tế thuộc phạm vi quản lý theo Phụ lục 2 của Thỏa thuận khung.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà thầu trong việc thương thảo và ký hợp đồng với các cơ sở y tế.
- Tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng quý và đột xuất về Trung tâm MSTTQG về số lượng thuốc đã mua, số lượng thuốc đã sử dụng, số lượng còn lại chưa thực hiện của các cơ sở y tế địa phương và cơ sở y tế Bộ, ngành trên địa bàn.
- Báo cáo ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng tại các cơ sở y tế địa phương/cơ sở y tế thuộc Bộ, ngành trên địa bàn với Trung tâm MSTTQG để giải quyết.
- Phối hợp với Trung tâm MSTTQG trong việc điều tiết việc thực hiện kế hoạch của các cơ sở y tế để bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã đề nghị mua sắm tập trung và đã được phân bổ trong Thỏa thuận khung theo đúng quy định tại Khoản 13, Điều 40 và Khoản 5 Điều 46 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế.
- Khi cơ sở y tế có nhu cầu sử dụng tăng/giảm trên 20% số lượng được phân bổ và trong phạm vi địa phương, Sở Y tế/Đơn vị Mua sắm tập trung cấp địa phương các tỉnh, thành phố thực hiện chức năng điều tiết trên địa bàn, hướng dẫn các cơ sở y tế và nhà thầu cung cấp thuốc tiến hành ký hợp đồng/phụ lục hợp đồng. Đồng thời có báo cáo gửi về Trung tâm MSTTQG ngay sau khi thực hiện điều tiết trên địa bàn.
- Trường hợp nhu cầu sử dụng thuốc của địa phương, của các cơ sở y tế Bộ, ngành trên địa bàn vượt quá 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung thì Sở Y tế/Đơn vị Mua sắm tập trung cấp địa phương tổng hợp, báo cáo Trung tâm MSTTQG để thực hiện điều tiết số lượng thuốc giữa các địa phương, các cơ sở y tế của Trung ương trên toàn quốc theo quy trình của Trung tâm MSTTQG đã ban hành.

## **9. Trách nhiệm của Trung tâm MSTTQG**

- Công khai thỏa thuận khung trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế và thông báo bằng văn bản đến các Sở Y tế/đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương/y tế thuộc Bộ, ngành và cơ sở y tế thuộc Bộ Y tế.
- Cung cấp các thông tin cần thiết để các đơn vị trúng thầu tiến hành ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các cơ sở y tế.
- Phối hợp với nhà thầu và các Sở Y tế/đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/y tế các bộ ngành để giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình cung cấp thuốc tại các cơ sở y tế.

- Hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định trong Hồ sơ yêu cầu hoặc trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm thực hiện hợp đồng và ký hợp đồng với các cơ sở y tế.

#### **10. Hiệu lực và thời hạn thực hiện thỏa thuận khung**

- Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ sở y tế ký hợp đồng mua thuốc với nhà thầu cung cấp thuốc.

- Thời gian hiệu lực và thực hiện của Thỏa thuận khung: Kể từ ngày ký đến hết ngày 31/5/2023.

#### **11. Xử phạt do vi phạm**

- Việc xử phạt do vi phạm các điều khoản của Thỏa thuận khung/Hợp đồng đã ký kết được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Thỏa thuận khung này được làm thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU**  
**CÔNG TY CP DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**  
**GIÁM ĐỐC DỰ ÁN THẦU BỆNH VIỆN**



**Hoàng Văn Phúc**

**ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM MUA SẮM**  
**TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA**  
**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Trí Dũng**



**BỘ Y TẾ**  
**TRUNG TÂM MUA SẮM**  
**TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 1: DANH MỤC TỔNG HỢP THUỐC CUNG CẤP CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ**

*(Kèm theo Thỏa thuận khung số 05/2021 /TTK-ĐPG ký ngày 08/6/2021)*

| TT                                                                                                                                                  | Mã thuốc | Tên thuốc | Tên hoạt chất | Nồng độ, hàm lượng | Số đăng ký  | Dạng bào chế, Đường dùng | Hạn dùng (tuổi thọ) | Quy cách đóng gói  | Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất | ĐVT  | Đơn giá (có VAT, VND) | Số lượng | Thành tiền (VND)       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|---------------|--------------------|-------------|--------------------------|---------------------|--------------------|--------------------------------|------|-----------------------|----------|------------------------|
| 1                                                                                                                                                   | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | VN-19389-15 | Viên nén bao phim; Uống  | 36 tháng            | Hộp 6 vỉ x 10 viên | Bayer AG - Đức                 | viên | 403.326               | 497.664  | 200.720.830.464        |
| <b>TỔNG CỘNG: 01 khoản</b><br><b>Thành tiền bằng chữ: Hai trăm tỷ, bảy trăm hai mươi triệu, tám trăm ba mươi nghìn, bốn trăm sáu mươi bốn đồng.</b> |          |           |               |                    |             |                          |                     |                    |                                |      |                       |          | <b>200.720.830.464</b> |

*gheuk*  
*TOMU*





**PHỤ LỤC 2: PHẠM VI CUNG CẤP THUỐC CHI TIẾT CHO TỪNG CƠ SỞ Y TẾ**

(Kèm theo Thỏa thuận khung số 05/2021/TTK-ĐPG ký ngày 08/6/2021)

| STT | Mã thuốc | Tên thuốc | Tên hoạt chất | Nồng độ, hàm lượng | Đường dùng | Đơn vị tính | Số lượng phân bố | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã CSYT | Tên đơn vị                                 | Tỉnh/Thành phố | Đơn vị quản lý                                            | Miền |
|-----|----------|-----------|---------------|--------------------|------------|-------------|------------------|---------------|------------------|---------|--------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|------|
| 1   | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 7.200            | 403.326       | 2.903.947.200    | 24279   | Bệnh viện Ung Bướu Bắc Giang               | Bắc Giang      | Sở Y Tế Bắc Giang                                         | Bắc  |
| 2   | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 1.000            | 403.326       | 403.326.000      | 06001   | Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn             | Bắc Kạn        | Sở Y Tế Bắc Kạn                                           | Bắc  |
| 3   | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 2.000            | 403.326       | 806.652.000      | 27009   | Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh            | Bắc Ninh       | Sở Y Tế Bắc Ninh                                          | Bắc  |
| 4   | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 600              | 403.326       | 241.995.600      | 24014   | Bệnh viện Quân y 110                       | Bắc Ninh       | Sở Y Tế Bắc Ninh                                          | Bắc  |
| 5   | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 2.300            | 403.326       | 927.649.800      | 01043   | Bệnh viện 198 (Bộ Công An)                 | Hà Nội         | Sở Y Tế Hà Nội                                            | Bắc  |
| 6   | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 63.200           | 403.326       | 25.490.203.200   | 01929   | Bệnh viện Bạch Mai                         | Hà Nội         | Bộ Y tế                                                   | Bắc  |
| 7   | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 10.000           | 403.326       | 4.033.260.000    | 01009   | Bệnh viện Bưu điện (Bộ Bưu Chính v. thông) | Hà Nội         | Sở Y Tế Hà Nội                                            | Bắc  |
| 8   | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 1.440            | 403.326       | 580.789.440      | 01161   | Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec           | Hà Nội         | Sở Y Tế Hà Nội                                            | Bắc  |
| 9   | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 15.000           | 403.326       | 6.049.890.000    | 01934   | Bệnh viện Đại học Y Hà Nội                 | Hà Nội         | Bộ Y tế                                                   | Bắc  |
| 10  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 1.200            | 403.326       | 483.991.200      | 01007   | Bệnh viện E                                | Hà Nội         | Bộ Y tế                                                   | Bắc  |
| 11  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 13.200           | 403.326       | 5.323.903.200    | 01001   | Bệnh viện Hữu Nghị                         | Hà Nội         | Bộ Y tế                                                   | Bắc  |
| 12  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 2.000            | 403.326       | 806.652.000      | 01901   | Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức                | Hà Nội         | Bộ Y tế                                                   | Bắc  |
| 13  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 88.000           | 403.326       | 35.492.688.000   | 01906   | Bệnh viện K                                | Hà Nội         | Bộ Y tế                                                   | Bắc  |
| 14  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 19.200           | 403.326       | 7.743.859.200    | 01016   | Bệnh viện Quân Y 103                       | Hà Nội         | Sở Y Tế Hà Nội                                            | Bắc  |
| 15  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 2.000            | 403.326       | 806.652.000      | 01819   | Bệnh viện Quân Y 105                       | Hà Nội         | Sở Y Tế Hà Nội                                            | Bắc  |
| 16  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 2.000            | 403.326       | 806.652.000      | 01015   | Bệnh viện Quân Y 354                       | Hà Nội         | Sở Y Tế Hà Nội                                            | Bắc  |
| 17  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 500              | 403.326       | 201.663.000      | 01006   | Bệnh viện Thanh Nhân                       | Hà Nội         | Sở Y Tế Hà Nội                                            | Bắc  |
| 18  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 10.000           | 403.326       | 4.033.260.000    | 01014   | Bệnh viện trung ương Quân đội 108          | Hà Nội         | Sở Y Tế Hà Nội                                            | Bắc  |
| 19  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 27.144           | 403.326       | 10.947.880.944   | 01916   | Bệnh viện Ung bướu Hà Nội                  | Hà Nội         | Sở Y Tế Hà Nội                                            | Bắc  |
| 20  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 3.000            | 403.326       | 1.209.978.000    | 01927   | Viện Y học phóng xạ và U bướu Quân đội     | Hà Nội         | Sở Y Tế Hà Nội                                            | Bắc  |
| 21  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 1.000            | 403.326       | 403.326.000      | 30013   | BV ĐK tỉnh Hải Dương                       | Hải Dương      | Sở Y Tế Hải Dương                                         | Bắc  |
| 22  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 312              | 403.326       | 125.837.712      | 31153   | Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp               | Hải Phòng      | Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng | Bắc  |



| STT | Mã thuốc | Tên thuốc | Tên hoạt chất | Nồng độ, hàm lượng | Đường dùng | Đơn vị tính | Số lượng phân bổ | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã CSYT | Tên đơn vị                                  | Tỉnh/Thành phố | Đơn vị quản lý                                            | Miền  |
|-----|----------|-----------|---------------|--------------------|------------|-------------|------------------|---------------|------------------|---------|---------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|-------|
| 23  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 100              | 403.326       | 40.332.600       | 31031   | Bệnh viện Kiến An                           | Hải Phòng      | Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng | Bắc   |
| 24  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 1.200            | 403.326       | 483.991.200      | 17001   | Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hòa Bình             | Hòa Bình       | Sở Y Tế Hòa Bình                                          | Bắc   |
| 25  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 480              | 403.326       | 193.596.480      | 10061   | Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào cai              | Lào Cai        | Sở Y Tế tỉnh Lào Cai                                      | Bắc   |
| 26  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 2.000            | 403.326       | 806.652.000      | 22002   | Bệnh viện Bãi Cháy                          | Quảng Ninh     | Sở Y Tế Quảng Ninh                                        | Bắc   |
| 27  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 6.000            | 403.326       | 2.419.956.000    | 22030   | Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển - Uông bí      | Quảng Ninh     | Bộ Y tế                                                   | Bắc   |
| 28  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 1.000            | 403.326       | 403.326.000      | 19013   | Bệnh viện C Thái Nguyên                     | Thái Nguyên    | Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên                                 | Bắc   |
| 29  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 700              | 403.326       | 282.328.200      | 19010   | Bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên            | Thái Nguyên    | Bộ Y tế                                                   | Bắc   |
| 30  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 1.000            | 403.326       | 403.326.000      | 08101   | Bệnh viện đa khoa Tuyên Quang               | Tuyên Quang    | Sở Y Tế Tuyên Quang                                       | Bắc   |
| 31  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 4.000            | 403.326       | 1.613.304.000    | 26030   | Bệnh viện đa khoa khu vực Phúc Yên          | Vĩnh Phúc      | Sở Y Tế Vĩnh Phúc                                         | Bắc   |
| 32  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 1.200            | 403.326       | 483.991.200      | 26001   | Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc            | Vĩnh Phúc      | Sở Y Tế Vĩnh Phúc                                         | Bắc   |
| 33  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 1.440            | 403.326       | 580.789.440      | 52001   | Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định            | Bình Định      | Sở Y Tế Bình Định                                         | Trung |
| 34  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 3.000            | 403.326       | 1.209.978.000    | 48001   | Bệnh viện Đà Nẵng                           | Đà Nẵng        | Sở Y Tế Đà Nẵng                                           | Trung |
| 35  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 20.160           | 403.326       | 8.131.052.160    | 48126   | Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng                  | Đà Nẵng        | Sở Y Tế Đà Nẵng                                           | Trung |
| 36  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 240              | 403.326       | 96.798.240       | 66001   | Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên           | Đắk Lắk        | Sở Y Tế Đắk Lắk                                           | Trung |
| 37  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 1.080            | 403.326       | 435.592.080      | 42012   | Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Tĩnh              | Hà Tĩnh        | Sở Y Tế Hà Tĩnh                                           | Trung |
| 38  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 2.800            | 403.326       | 1.129.312.800    | 56001   | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa            | Khánh Hòa      | Sở Y Tế Khánh Hòa                                         | Trung |
| 39  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 7.200            | 403.326       | 2.903.947.200    | 40149   | Bệnh viện Ung bướu Nghệ An                  | Nghệ An        | Sở Y Tế Nghệ An                                           | Trung |
| 40  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 200              | 403.326       | 80.665.200       | 54001   | Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên              | Phú Yên        | Sở Y Tế Phú Yên                                           | Trung |
| 41  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 2.400            | 403.326       | 967.982.400      | 44005   | Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới | Quảng Bình     | Bộ Y tế                                                   | Trung |
| 42  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 5.760            | 403.326       | 2.323.157.760    | 49001   | Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam            | Quảng Nam      | Sở Y Tế Quảng Nam                                         | Trung |
| 43  | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 3.120            | 403.326       | 1.258.377.120    | 45010   | Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị            | Quảng Trị      | Sở Y Tế Quảng Trị                                         | Trung |



| STT                        | Mã thuốc | Tên thuốc | Tên hoạt chất | Nồng độ, hàm lượng | Đường dùng | Đơn vị tính | Số lượng phân bổ | Đơn giá (VNĐ)  | Thành tiền (VNĐ)       | Mã CSYT | Tên đơn vị                             | Tỉnh/Thành phố  | Đơn vị quản lý            | Miền  |
|----------------------------|----------|-----------|---------------|--------------------|------------|-------------|------------------|----------------|------------------------|---------|----------------------------------------|-----------------|---------------------------|-------|
| 44                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 3.000            | 403.326        | 1.209.978.000          | 38744   | Bệnh viện Ung Bướu                     | Thanh Hóa       | Sở Y Tế Thanh Hóa         | Trung |
| 45                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 3.600            | 403.326        | 1.451.973.600          | 46001   | Bệnh viện Trung ương Huế               | Thừa Thiên Huế  | Bộ Y tế                   | Trung |
| 46                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 2.200            | 403.326        | 887.317.200            | 46002   | Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế  | Thừa Thiên Huế  | Sở Y Tế Thừa Thiên Huế    | Trung |
| 47                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 200              | 403.326        | 80.665.200             | 77003   | Bệnh viện Bà Rịa                       | Bà Rịa Vũng Tàu | Sở Y Tế Bà Rịa Vũng Tàu   | Nam   |
| 48                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 1.440            | 403.326        | 580.789.440            | 95002   | Bệnh viện đa khoa tỉnh Bạc Liêu        | BẠC LIÊU        | SỞ Y TẾ BẠC LIÊU          | Nam   |
| 49                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 2.400            | 403.326        | 967.982.400            | 92000   | Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ           | Cần Thơ         | Bộ Y tế                   | Nam   |
| 50                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 540              | 403.326        | 217.796.040            | 92115   | Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ     | Cần Thơ         | Bộ Y tế                   | Nam   |
| 51                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 6.700            | 403.326        | 2.702.284.200          | 92086   | Bệnh viện Ung bướu Cần Thơ             | Cần Thơ         | Sở Y Tế thành phố Cần Thơ | Nam   |
| 52                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 660              | 403.326        | 266.195.160            | 91001   | Bệnh viện đa khoa Kiên Giang           | Kiên Giang      | Sở Y Tế Kiên Giang        | Nam   |
| 53                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 400              | 403.326        | 161.330.400            | 80001   | Bệnh viện đa khoa Long An              | Long An         | Sở Y Tế Long An           | Nam   |
| 54                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 1.800            | 403.326        | 725.986.800            | 82001   | Bệnh viện đa khoa trung tâm Tiền Giang | Tiền Giang      | Sở Y Tế Tiền Giang        | Nam   |
| 55                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 2.000            | 403.326        | 806.652.000            | 79397   | Bệnh viện Bình Dân                     | TP. HCM         | Sở Y Tế TP. HCM           | Nam   |
| 56                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 26.700           | 403.326        | 10.768.804.200         | 79048   | Bệnh viện Chợ Rẫy                      | TP. HCM         | Bộ Y tế                   | Nam   |
| 57                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 19.000           | 403.326        | 7.663.194.000          | 79431   | Bệnh viện đại học Y dược TP HCM        | TP. HCM         | Bộ Y tế                   | Nam   |
| 58                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 26.000           | 403.326        | 10.486.476.000         | 79024   | Bệnh viện Nhân Dân 115                 | TP. HCM         | Sở Y Tế TP. HCM           | Nam   |
| 59                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 12.000           | 403.326        | 4.839.912.000          | 79030   | Bệnh viện Nhân Dân Gia Định            | TP. HCM         | Sở Y Tế TP. HCM           | Nam   |
| 60                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 3.768            | 403.326        | 1.519.732.368          | 79037   | Bệnh viện Quận Thủ Đức                 | TP. HCM         | Sở Y Tế TP. HCM           | Nam   |
| 61                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 24.640           | 403.326        | 9.937.952.640          | 79034   | Bệnh viện quân y 175                   | TP. HCM         | Sở Y Tế TP. HCM           | Nam   |
| 62                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 4.440            | 403.326        | 1.790.767.440          | 79025   | Bệnh viện Thống Nhất                   | TP. HCM         | Bộ Y tế                   | Nam   |
| 63                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 18.000           | 403.326        | 7.259.868.000          | 79423   | Bệnh viện Ung Bướu                     | TP. HCM         | Sở Y Tế TP. HCM           | Nam   |
| 64                         | B0401    | Nexavar   | Sorafenib     | 200mg              | Uống       | viên        | 800              | 403.326        | 322.660.800            | 84001   | Bệnh viện đa khoa Trà Vinh             | Trà Vinh        | Sở Y Tế Trà Vinh          | Nam   |
| <b>Tổng cộng: 64 khoản</b> |          |           |               |                    |            |             | <b>497.664</b>   | <b>403.326</b> | <b>200.720.830.464</b> |         |                                        |                 |                           |       |



*TĐM* *gluH*